TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-PT
Ngày 06 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số: 79/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Khưu Vũ K, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Khưu Vũ K trình bày: Từ ngày 06/8/2015 đến ngày 29/8/2015 (âm lịch), bà H có vay tiền của ông 04 lần với tổng số tiền 54.000.000 đồng, có làm biên nhận ngày 08/9/2015 (âm lịch). Đến ngày 22/9/2015 (âm lịch), bà H tiếp tục vay của ông số tiền 30.000.000 đồng, có biên nhận cùng ngày và ngày 29/9/2015 bà H vay của ông số tiền 50.000.000 đồng, cò làm biên nhận không ghi ngày tháng năm, thể hiện lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Từ ngày vay các khoản tiền trên đến nay bà H chưa trả nợ gốc và đóng lãi cho ông theo thỏa thuận nên ông yêu cầu bà H trả

cho ông tổng số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2015 đến khi xét xử đối với số tiền nợ 80.000.000 đồng. Ông K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H trả lãi phát sinh từ ngày 29/9/2015 đối với số tiền 54.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Ngọc H trình bày: Bà H thống nhất với ông K về việc có vay ông K số tiền 50.000.000 đồng ngày 29/9/2015 và 30.000.000 đồng ngày 22/9/2015 và có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng như ông K trình bày. Bà H xác định không có vay ông K khoản nợ 54.000.000 đồng có biên nhận ngày 29/8/2015, trong quá trình vay tiền bà có đóng lãi cho ông K đến hết tháng 9 năm 2019. Do đó, bà chỉ đồng ý trả khoản vay nợ gốc cho ông K đối với tổng số tiền 80.000.000 đồng và trả lãi từ tháng 10/2019, các yêu cầu còn lại của ông K bà không đồng ý.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số: 79/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Khưu Vũ K kiện đòi bà Lê Ngọc H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng chẵn) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khưu Vũ K kiện đòi bà Lê Ngọc H trả tiền nợ gốc 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn), tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng chẵn) từ ngày 9/9/2015 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà Lê Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Khưu Vũ K số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đồng (bốn mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn). Tổng cộng là 174.175.200 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định chữ ký, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, bị đơn bà Lê Ngọc H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bà không vay tiền ông K đối với khoản vay 54.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/9/2015 và đã trả lãi cho ông K đối với khoản vay 80.000.000 đồng đến hết tháng 9 năm 2019. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ngọc H, giữ

nguyên Bản án sơ thẩm số: 79/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Ngọc H không đồng ý việc có vay của ông K số tiền 54.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/9/2015, xét thấy: Tại biên nhận ngày 08/9/2015 (bút lục 35) thể hiện bà H có vay vợ ông K 04 lần với tổng số tiền 54.000.000 đồng, theo quyết định giám định số 123/GĐ-2020 ngày 02/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận chữ ký H trong biên nhận so với các mẫu chữ ký của bà H do Tòa án thu thập được là do cùng một người ký, sau khi được tống đạt kết luận giám định trên thì bà H không có yêu cầu gì. Do đó, có căn cứ xác định chữ ký H trong biên nhận ngày 08/9/2015 là của bà H. Tại phiên tòa và nội dung đơn kháng cáo bà H thừa nhận chữ ký *"H"* và chữ viết tên *"Lê Ngọc H"* trong biên nhận là của bà nhưng bà cho rằng nội dung của biên nhận không phải chữ viết của bà nên bà không thừa nhận có vay số tiền trên. Mặc dù tờ biên nhận không do bà H ghi nhưng bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong biên nhận là của bà, bà H biết đọc, biết viết nên việc bà cho rằng ký tên vào biên nhận nhưng không biết nội dung là không có căn cứ. Đồng thời, việc bà H ký tên vào biên nhận cũng theo ý chí của bà, không bị ai ép buộc, đe dọa nên nội dung trong biên nhận đã được bà ký tên có giá trị và cần được thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H.

[2] Xét kháng cáo của bà H chỉ đồng ý trả lãi đối với số tiền 80.000.000 đồng từ tháng 10 năm 2019 cho ông K, xét thấy: Các bên đều thống nhất khi cho vay có thỏa thuận lãi suất, bà H cho rằng có đóng lãi đầy đủ cho ông K từ thời điểm vay đến cuối tháng 9/2019 với mức lãi suất 5%/tháng, ông K không thừa nhận có nhận tiền lãi từ bà H như bà H trình bày và phía bà H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà H về việc có trả tiền lãi cho ông K. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đòi bà H trả tiền lãi suất từ thời điểm vay (ngày 29/9/2015) đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ngọc H, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bà Lê Ngọc H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ngọc H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Khưu Vũ K kiện đòi bà Lê Ngọc H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khưu Vũ K kiện đòi bà Lê Ngọc H trả tiền nợ gốc 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) từ ngày 9/9/2015 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà Lê Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Khưu Vũ K số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đồng (bốn mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng). Tổng cộng là 174.175.200 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về chi phí giám định chữ ký số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bà Lê Ngọc H phải chịu toàn bộ. Buộc bà Lê Ngọc H phải nộp số tiền 3.750.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu để hoàn lại cho ông Khưu Vũ K.

4. Về án phí:

Ông Khưu Vũ K không phải chịu án phí. Ông K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.350.000 đồng theo Biên lai thu số 0009492 ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Bà Lê Ngọc H được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng